

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Sư phạm Tiếng Pháp** (French Teacher Education)

Mã ngành: 7140233

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Phương pháp dạy học Tiếng Pháp, Khoa Ngoại ngữ

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Ngành Sư phạm Tiếng Pháp đào tạo sinh viên trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn Tiếng Pháp trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

a. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ 2 bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Trang bị cho sinh viên năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, kiến thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông;

c. Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác; có sức khỏe; tác phong sư phạm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa;

d. Hình thành phát triển năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn và các năng lực ngôn ngữ đã được đào tạo, có năng lực học tập sau đại học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp hoặc các ngành phù hợp khác.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo Sư phạm Tiếng Pháp trình độ đại học, người học có các kiến thức, có những kỹ năng cần thiết, thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước;

b. Nắm vững kiến thức về tiếng Việt, về ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc ngoại ngữ 2 khác) tương đương trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Nắm vững kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm; công tác dạy học trong nhà trường trung học phổ thông; vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh;

b. Nắm vững kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Pháp được quy định trong bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.1.3 Khó kiến thức chuyên ngành

a. Nắm vững các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học môn học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông, các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu khoa học môn học tiếng Pháp theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học;

b. Nắm vững kiến thức về khoa học ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng trong giảng dạy tiếng Pháp phổ thông và tiếng Pháp chuyên ngành.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục;

b. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

c. Vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh;

d. Vận dụng linh hoạt quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;

e. Sử dụng thành thạo những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp tương đương bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn; sử dụng hiệu quả ngoại ngữ 2, nhằm phục vụ các mục đích giao tiếp, học tập, nghiên cứu và phát triển chuyên môn;

b. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường học tập, làm việc đa dạng; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các hoạt động học tập, chuyên môn liên quan lĩnh vực giảng dạy tiếng Pháp.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Có thái độ làm việc độc lập, làm việc nhóm tích cực, có tinh thần chịu trách nhiệm với bản thân và nhóm trong các hoạt động; chủ động trong công tác và hợp tác với đồng nghiệp, tổ chức và cộng đồng, có khả năng tự định hướng kế hoạch hành động và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình, thương yêu và tôn trọng nhân phẩm và ý kiến của người khác, đối xử công bằng và bình đẳng với người khác.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên, giảng viên tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và đại học.

- Nghiên cứu viên tại các trung tâm, các viện nghiên cứu giáo dục.

- Chuyên viên và cán bộ quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các sở giáo dục.

- Biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên nhà hàng, khách sạn, cơ quan ngoại giao, truyền thông...

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Pháp, ngành giáo dục, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

- Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực giảng dạy và giáo dục.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Công văn 1138/KH-ĐHCT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 48 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

- Luật Giáo dục Đại học sửa đổi (2018);

- Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Khung tham chiếu ngoại ngữ châu Âu;

- Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT);

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp Trường Đại học Hà Nội:
<http://hanu.vn/vn/chinh-quy/204-tuy-n-sinh/chuong-trinh-dao-tao/3397-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ngon-ngu-phap-hệ-cử-nhân-chính-quy.html>;

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp Trường Đại học Sư phạm TP HCM:
<https://drive.google.com/file/d/0B4yz2K6XqhcLeGl4SIB2cmtWek0/view>;

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học ngôn ngữ Trường Đại học Grenoble (Pháp):
<http://formations.univ-grenoble-alpes.fr/fr/catalogue/licence-XA/arts-lettres-langues-ALL/licence-sciences-du-langage-program-licence-sciences-du-langage.html>;

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Ngôn ngữ Trường Đại học Paris 3 (Pháp):
http://www.univ-paris3.fr/medias/fichier/sc-du-langage-septembre-2017_1506691367075.pdf.

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III	
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III	
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
19	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
20	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
21	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
22	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
23	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30					I,II,III
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30					I,II,III
25	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2		20	20				I,II,III	
Cộng: 39 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 15 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
27	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III	
28	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II,III	
29	SG011E	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III	
30	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II,III	
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		I,II,III	
32	FL268	Phân tích tác nghiệp - PV	2		2	30				I,II	
33	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2			30		SP079			I,II,III
34	FL269	Sử dụng tài liệu thực trong giảng dạy - PV	2		2	30				I,II	
35	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30					I,II,III
36	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30					I,II,III
37	TV205	Đọc hiểu 1 - PV	2	2		30				I,II	
38	TV206	Đọc hiểu 2 - PV	2	2		30		TV205		I,II	
39	TV207	Đọc hiểu 3 - PV	2	2		30		TV206		I,II	
40	TV208	Đọc hiểu 4 - PV	2	2		30		TV207		I,II	
41	TV209	Viết 1 - PV	2	2		30				I,II	
42	TV210	Viết 2 - PV	2	2		30		TV209		I,II	
43	TV211	Viết 3 - PV	2	2		30		TV210		I,II	
44	FL261	Viết 4 - PV	2	2		30		TV211		I,II	
45	TV201	Nghe Nói 1 - PV	3	3		45				I,II	
46	TV202	Nghe Nói 2 - PV	3	3		45		TV201		I,II	
47	TV203	Nghe Nói 3 - PV	3	3		45		TV202		I,II	
48	TV204	Nghe Nói 4 - PV	3	3		45		TV203		I,II	
49	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	2		30				I,II	
50	TV214	Ngữ pháp 2 - PV	2	2		30		TV213		I,II	
51	TV215	Ngữ pháp 3 - PV	2	2		30		TV214		I,II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
52	TV216	Ngữ pháp 4 - PV	2	2		30		TV215		I,II
53	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2			30				I,II
54	FL236	Ngữ pháp văn bản tiếng Pháp	2		2	30		TV216		I,II
55	FL257	Tình huống phát ngôn tiếng Pháp	2			30		TV216		I,II
56	FL270	Ngữ âm thực hành nâng cao - PV	2	2		30				I,II
Cộng: 55 TC (Bắt buộc 49 TC; Tự chọn: 6 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
57	FL228E	Lý luận dạy học tiếng Pháp	2	2		30				I,II
58	SG336	Phương pháp dạy học Tiếng Pháp	2	2		30				I,II
59	FL271	Phát triển chương trình giảng dạy tiếng Pháp	2	2		30				I,II
60	FL272	Đánh giá kết quả học tập Tiếng Pháp	3	3		30	30			I,II
61	FL273E	Khai thác học liệu trực tuyến tiếng Pháp	2	2		15	30	TN034		I,II
62	FL274E	Khai thác các phần mềm dạy học tiếng Pháp	2	2		15	30	TN034		I,II
63	FL275	Giảng dạy từ vựng - PV	2	2		30				I,II
64	FL276	Giảng dạy từ vựng nâng cao - PV	2			30				I,II
65	SP267	Văn bản khoa học	2		2	15	30	FL261		I,II
66	SP266	Văn bản văn học	2			15	30	TV208		I,II
67	SG347	Trò chơi trong dạy học tiếng Pháp	2			30				I,II
68	SG348	Dạy tiếng Pháp cho trẻ em	2		2	30				I,II
69	FL226	Giao thoa văn hóa Tiếng Pháp	3	3		30	30			I,II
70	FL277	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tiếng Pháp	2	2		15	30			I,II
71	SP269	Kỹ thuật báo cáo chuyên đề	2				60			I,II
72	XH287	Ngữ dụng học - Pháp	2		2	15	30			I,II
73	SG367	Ngôn ngữ học đối chiếu - PV	2			15	30			I,II
74	TV231	Các loại hình văn bản	2		2	30				I,II
75	SG344	Soạn giáo án Tiếng Pháp	2	2		30		SG336		I,II
76	SG341	Tập giảng Tiếng Pháp	2	2			60	SG336		I,II
77	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SP079		I,II
78	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SG341		I,II
79	SP573	Luận văn tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	10				300	≥ 105 TC		I,II
80	SP572	Tiểu luận tốt nghiệp - SP.Tiếng Pháp	4				120	≥ 105 TC		I,II
81	FL253	Tiếng Pháp du lịch	3			30	30	TV204		I,II
82	FL255	Tiếng Pháp nhà hàng và khách sạn	3			45		TV204		I,II
83	SG370	Kỹ thuật biên dịch tư liệu - PV	2		10	15	30	TV208		I,II
84	FL216	Kỹ thuật phiên dịch tiếng Pháp	2			15	30	TV204		I,II
85	SP300	Tiếng Pháp thương mại	2			30		TV204		I,II
86	SG372	Văn bản báo chí - PV	2			30		TV208		I,II
87	SG373	Kỹ năng tìm việc - PV	2			30		FL261		I,II
Cộng: 47 TC (Bắt buộc: 29 TC; Tự chọn: 18 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)										

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

KHOA NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG KHOA

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Trung Tính

Trịnh Quốc Lập

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

